TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C TỈNH TÂY NINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2020/HNGĐ-ST
Ngày 29-7-2020
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hưởng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Mai Trần Phúc

2. Bà Nguyễn Thị Kim Linh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Hiệp, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân*** *huyện C* ***tham gia phiên tòa:*** Ông Võ Minh Mẫn, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 127/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án xét xử số: 44/2020/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1998. Nơi cư trú: tổ 4, ấp S, xã L, huyện C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Bị đơn: Anh Lưu Quốc B, sinh năm 1997. Nơi cư trú: tổ 8, ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28 tháng 02 năm 2020 cùng các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện C, Chị Nguyễn Thị N (nguyên đơn) trình bày*:*

Chị và Anh Lưu Quốc B chung sống với nhau vào năm 2018 có đăng ký kết hôn ngày 05/6/2028 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 11 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân: Anh chị bất đồng ý kiến không đồng chung quan điểm, Anh B không lo làm ăn mà thường xuyên chơi bài, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã

với nhau, nên chị bỏ về nhà cha mẹ chị sống anh chị ly thân từ tháng 11 năm 2019 cho đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn sống chung không hạnh phúc không hàn gắn lại được nên chị làm đơn xin ly hôn đối với Anh B.

Về con chung: Lưu Bảo P, sinh ngày 08/02/ 2019, hiện sống chung với chị, ly hôn chị yêu cầu nuôi con không yêu cầu Anh B phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị đồng ý chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Anh Lưu Quốc B – bị đơn trình bày**:** Anh thống nhất với lời trình bày của Chị N về thời gian sống chung, về con chung, tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng Chị N khai anh thường xuyên chơi bài bạc là không chính xác vì anh chỉ tham gia chơi đá gà 01 lần thua 100.000.000 đồng anh làm trả nợ nên không đưa tiền cho Chị N từ đó vợ chồng cãi vã Chị N bỏ về bên chị từ tháng 11 năm 2019 cho đến nay. Anh xác định còn thương vợ con nên anh xin đoàn tụ lại.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Tài liệu chứng cứ của vụ án: 01 đơn khởi kiện ghi ngày 28/02/2020; 01 bản sao trích lục khai sinh con; Bản sao CMND và HKTT; Bản sao Trích lục kết hôn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết 326 về án phí lệ phí. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của Chị Nguyễn Thị N xử cho chị và Anh Lưu Quốc B được ly hôn. Về con chung: Giao cháu Lưu Bảo P, sinh ngày 08/02/ 2019, cho Chị N tiếp tục nuôi dưỡng Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con do Chị N không yêu cầu.

Về tài sản: Không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị N chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Chị Nguyễn Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Anh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt Chị N, Anh B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N, Anh B chung sống với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 11 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân: Anh chị bất đồng quan điểm trong sinh hoạt gia đình, Anh B không lo làm ăn cờ bạc (đá gà) từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã, Anh B vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Chị N xử cho chị và Anh B được ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Lưu Bảo P, sinh ngày 08/02/ 2019, từ ngày ly thân đến nay cháu P sống chung với Chị N, ly hôn chị yêu cầu nuôi con không yêu cầu Anh B phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét về con chung thì thấy rằng từ ngày ly thân đến nay cháu P sống chung với Chị N tâm tư tình cảm cháu gắng liền với Chị N, hơn nữa hiện nay cháu P dưới 36 tháng tuổi cần sự chăm sóc của mẹ, Anh B cũng xác định từ ngày ly thân đến nay Chị N trực tiếp nuôi cháu anh không cấp dưỡng nuôi con. Do đó, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, về điều kiện của Chị N nên giao cháu P cho Chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con do Chị N không yêu cầu.

[4] Về tài sản: Chị N, Anh B khai không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Anh B không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình công bố năm 2014; Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân**:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị N xử cho Chị Nguyễn Thị N và Anh Lưu Quốc B được ly hôn

2. Về con chung: Giao cháu Lưu Bảo P, sinh ngày 08/02/ 2019, cho chị Nhanh tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con do Chị N không yêu cầu.

Sau khi ly hôn Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản**:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0006812 ngày 03 tháng 03 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh. Chị N đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh Lưu Quốc B không phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị N, Anh B có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Châu Thành;
- THADS H.Châu Thành;
- Lưu : Tập án ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa

Phan Thị Hưởng